

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DI LINH- TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày 19 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D- TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Ngọc Hà, bà Trần Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

**- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị H; địa chỉ: đường T, Tổ M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn H; địa chỉ: đường K, Tổ N, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019. Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: đường E, Tổ N, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lê M; địa chỉ: đường E, Tổ N, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và bản tự khai của bà Bạch Thị H, lời khai của người đại diện ông Nguyễn Tuấn H trong quá trình tố tụng có nội dung:*

Ngày 20/12/2016, bà Nguyễn Thị L viết giấy vay của bà Bạch Thị H 660.000.000 đồng. Ngoài ra hai bên thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất là 2%/tháng, hạn trả nợ vào cuối năm 2017. Do bà L khát nợ nhiều lần nhưng không trả, vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả khoản nợ vay gồm 660.000.000 đồng nợ gốc cùng nợ lãi mức 1%/tháng tính từ ngày vay 20/12/2016 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn H đại diện bà Bạch Thị H yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị L trả khoản nợ gốc 660.000.000 đồng và nợ lãi theo mức 9%/năm tính từ ngày bà H có đơn khởi kiện 24/6/2019 đến ngày 24/7/2020 là 64.350.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh là bản chính văn bản viết tay có tiêu đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” ghi ngày 20 tháng 12 năm 2016.

*Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê M đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 660.000.000 đồng nợ gốc và 64.350.000 đồng nợ lãi.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo, triệu tập H lệ nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L và chồng bà L là ông Lê M không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà H và đều vắng mặt. Quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Lê M vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng bà L, ông M là đúng pháp luật.

[2] Theo tài liệu do nguyên đơn giao nộp làm chứng cứ là bản chính văn bản viết tay có tiêu đề ‘Giấy mượn tiền’ ghi ngày 20/12/2016 có ghi: “Tôi tên là: *Nguyễn Thị L. SN 15 – E - TT D. SĐT: 0976435076. Là giáo viên trường THCS B. Hôm nay ngày 20.12.2016 Tôi có mượn của chị Bạch Thị H số tiền là 660.000.000 (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)*”. Bên dưới nội dung này ghi: “D20.12/2016”, “*Người mượn*” và chữ ký, ghi họ tên là “*Nguyễn Thị L*” (bút lục 14). Qua đó có cơ sở xác định: Vào ngày 20/12/2016, bị đơn bà L đã vay của nguyên đơn bà H số tiền 660.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán. Việc đại diện nguyên đơn cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và hạn trả nợ vào cuối năm 2017 nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[3] Do bà H yêu cầu nhiều lần nhưng bà L không trả nợ. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả khoản nợ gốc 660.000.000 đồng cùng nợ lãi mức 9%/năm tính từ ngày bà H có đơn khởi kiện 24/6/2019 đến ngày 24/7/2020 là 64.350.000 đồng là phù H với quy định của pháp luật. Cần áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Buộc bà L phải trả cho bà H tổng số tiền 724.350.000 đồng, gồm 660.000.000 đồng nợ gốc và 64.350.000 đồng nợ lãi là phù H.

[4] Trong đơn khởi kiện của bà H có ghi ông Lê M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên ông M không tham gia giao dịch và bà H cũng không yêu cầu ông M phải cùng bà L trả tiền. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ của ông M.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán với số tiền án phí là: 20.000.000 đồng + (324.350.000 đồng x 4%) = 32.974.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Bạch Thị H số tiền 724.350.000 đồng (gồm 660.000.000 đồng nợ gốc và 64.350.000 đồng nợ lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 32.974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bạch Thị H 18.672.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2016/0014682 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Sỹ**